

BIẢ THẦN ĐẠO VÀ GIÁ TRỊ TƯ LIỆU

NGUYỄN VĂN HẢI* - GS.TS. LƯU TÁI HOA**

TÓM TẮT

Bia thần đạo (chữ Hán) thường được dựng phía Đông Nam lăng mộ của các bậc đế vương, hoàng tộc, đại thần, do những tay bút nổi tiếng đương thời soạn thảo, do vậy, văn chương, chữ nghĩa trên bia mang tính mẫu mực, tính thẩm mỹ cao, sử liệu phong phú. Bài viết điểm lại lược sử của bia thần đạo, đồng thời nêu lên một số giá trị liên quan, như văn học, lịch sử, văn hóa và giáo dục...

Từ khóa: Bia thần đạo; giá trị tư liệu.

ABSTRACT

Than Dao (God of Roads) Stelae (in Chinese letter) usually erected in the Southeast of the tomb of kings, royalty, lords, by the famous contemporary scholars, therefore, literature and words on the stelae always highly aesthetic, historical richness. The paper reviews the history of Than Dao Stelae, and raised a number of related values, such as literature, history, culture and education...

Key words: Than Dao (God Path) Stelae, Documentary values.

1. Lược sử bia thần đạo

Là một thể loại thuộc hệ thống bia mộ, bia thần đạo lấy việc ca ngợi công lao, tán dương đức độ của người đã khuất làm chính, do vậy, nó rất được các bậc đế vương, quan chức coi trọng. Xét về nguồn gốc lịch sử, có lẽ, bia thần đạo ra đời từ yêu cầu của chế độ tang lễ thời cổ đại. Theo ghi chép của Phong Diễm (thời Đường), trong tác phẩm *Phong thủy văn kiến ký*: Theo quan niệm phong thủy từ thời thượng cổ, hướng Đông Nam của mộ người chết là hướng thần đạo, vì vậy, bia dựng trên hướng Đông Nam gọi là "thần đạo bi" - bia thần đạo ra đời từ đó.

Ở Trung Quốc, từ thời Đông Hán - đời Hán Hòa Đế, năm đầu niên hiệu Hưng Nguyên (105)¹ đã có bia thần đạo, nhưng đến thời Đường quy định rõ - quan chức từ ngũ phẩm trở lên mới được dựng bia thần đạo... Thời Minh lại quy định lại, quan chức từ tam phẩm trở lên mới được dựng bia thần đạo. Ở Việt Nam, việc soạn và dựng bia thần đạo, có lẽ mô phỏng theo quy chế của Trung Quốc, nên đây là loại bia thường chỉ dùng cho lăng mộ của tầng lớp có địa vị cao trong xã hội.

Về quy cách, bia thần đạo cũng có kết cấu giống như các thể loại bia khác, với nội dung

thường gồm ba phần: "tên bia", rồi đến phần "chí" hoặc "ký" và cuối cùng là bài "minh". Phần "chí" hoặc "ký" chủ yếu được viết theo kiểu biến văn, tản văn xen biến văn, ghi lại thân thế - cuộc đời người đã khuất và bày tỏ tình cảm nhớ thương hoặc ca ngợi công đức của người đã khuất. Bài minh gần như tóm tắt lại nội dung phần "ký" hoặc "chí" dưới hình thức văn vần, mỗi câu 4 - 5 chữ. Tuy nhiên, cũng có một số bia, phía trước có phần "chí" hoặc "ký" mà phần sau không có bài "minh" - Đây là trường hợp phá cách, rất ít gặp.

Ở Việt Nam, giai đoạn Lý - Trần mới chỉ tìm thấy một bia thần đạo, đó là: "Phụng Dương công chúa thần đạo bi minh tịnh tự" (Bài tựa và lời minh bia thần đạo công chúa Phụng Dương), ở thôn Độc Lập, huyện Mỹ Lộc, phủ Thiên Trường (nay là xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định), do Lê Cung Viên soạn, khắc vào niên hiệu Trùng Hưng thứ 8 (1293) - đời Trần Nhân Tông. Đây là bia thần đạo sớm nhất được tìm thấy ở nước ta.

Dưới thời Lê sơ (1427 - 1528), số lượng bia thần đạo được soạn dựng nhiều hơn, nhưng tập trung ở tỉnh Thanh Hóa - nơi phát tích của Khởi nghĩa Lam Sơn và nhà Lê sơ. Theo thống kê, đã phát hiện 06 bia ở giai đoạn này ghi rõ là bia thần đạo. Ngoài ra, còn phát hiện 06 bia được dựng ở phía Đông Nam

* Trung tâm Bảo tồn Di sản văn hóa Thanh Hóa

** Đại học Hồ Nam

của mộ các vua và hoàng hậu triều Lê sơ tại Lam Kinh (huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), cũng được các nhà nghiên cứu xếp vào loại văn bia thần đạo². Có thể tạm chia văn bia giai đoạn này thành 2 nhóm: nhóm ghi chép về vua, hoàng hậu, phi tần, hoàng tử, công chúa, hoàng thân quốc thích của vua; nhóm ghi chép về các công thần có công lớn với triều đình.

Dưới thời Lê Trung hưng, qua những cuộc nội chiến giữa các tập đoàn phong kiến, đã xuất hiện nhiều danh thần lập được công lớn. Lẽ ra, trong bối cảnh lịch sử - xã hội như vậy thì bia thần đạo phải phát triển mạnh. Nhưng, trái lại, trong hơn 60 năm nội chiến Lê - Trịnh với nhà Mạc và 160 năm Trịnh - Nguyễn phân tranh, đã làm cho kinh tế xã hội kiệt quệ, cuộc sống của nhân dân lâm vào cảnh cơ cực lầm than, kéo theo, điều kiện ban thưởng bổng lộc cho quan chức cũng bị hạn chế, vì vậy, ít nhiều cũng ảnh hưởng tới việc xây lăng, dựng bia của các công thần. Hiện chúng tôi mới chỉ tìm thấy 5 bia thần đạo thời Lê Trung hưng và 01 bia thần đạo thời Mạc.

Nhà Tây Sơn (1779 - 1802), có công xóa bỏ sự chia cắt giữa đảng Trong và đảng Ngoài, nhưng triều đại này chỉ tồn tại hơn 23 năm. Sau khi Gia Long lên ngôi, lập nên vương triều Nguyễn (1802 - 1945), đã cho người tìm toàn bộ dấu tích liên quan đến nhà Tây Sơn để tiêu hủy. Có lẽ, vì lý do này mà đến nay, chúng ta chưa tìm được bia thần đạo nào thuộc giai đoạn này.

Dưới thời Nguyễn (1802 - 1945), với những thành tựu khá nổi bật trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là việc củng cố hệ thống tư tưởng Nho giáo, coi trọng giáo dục, học vấn, xử thế, nâng cao nhân cách con người... Bia thần đạo ở giai đoạn này thường do những tay bút nổi tiếng đứng ra soạn văn hoặc do các môn sinh, thân hào hay chữ vì ngưỡng vọng tiền nhân mà đứng ra soạn lập. Hiện chúng tôi đã tập hợp được 9 bia thần đạo thuộc giai đoạn này, phân bố trên địa bàn cả nước.

2. Giá trị tư liệu của bia thần đạo

Hầu hết bia thần đạo đều do người đỗ đạt, những tay bút nổi tiếng đứng ra soạn thảo, với nội dung lược thuật về sự nghiệp cuộc đời của người đã khuất, gồm các khía cạnh: thế hệ, gia thất, tên họ, thụy hiệu, hành trạng, tước vị, thọ tuổi, ngày mất và nơi chôn cất..., do vậy, đây là thể loại văn bia ứng dụng, có giá trị tư liệu về nhiều mặt, như văn học, sử học, văn hóa, giáo dục...

2.1. Về giá trị văn học

Một điều dễ nhận thấy, là bia thần đạo giàu tính văn học, với nhiều bài ký hay, đặc biệt, khi viết tiểu sử người quá cố, người viết thường dùng những chi tiết cụ thể để khắc họa đặc tính nhân vật, làm nổi rõ những tài năng, tính cách của họ một cách sinh động. Đây thực sự là những thiên truyện ký về nhân vật hết sức hấp dẫn. Trên thực tế, phần lớn bia thần đạo ở nước ta đều do những bậc thức giả là những tay bút cự phách, như Nguyễn Trãi, Nguyễn Trục, Lương Thế Vinh, Thân Nhân Trung, Nguyễn Thiên Tích, Đàm Văn Lễ, Lưu Hưng Hiếu, Nguyễn Nghiễm, Nguyễn Văn Siêu... soạn văn. Nội dung các bia đều là những bài viết cụ thể, sinh động về cuộc đời các bậc đế vương, hoàng hậu, văn thần, võ tướng, danh sĩ đương thời, với bố cục mạch lạc, rõ ràng, văn viết cô đọng, dùng điển chuẩn xác, giàu tình cảm, đậm chất văn chương - Như: "Lam Sơn Vinh lăng bi" (lăng Lê Thái Tổ), tập trung ghi lại công cuộc gây dựng cơ nghiệp của Lê Thái Tổ. Đây là một tác phẩm suất sắc trong thể văn biển ngẫu. Phạm Đình Hổ từng đánh giá: "Thể tài khí phách có thể theo được gót cổ nhân (chỉ các danh gia thời Hán-Đường)". Bài văn này lấy tự sự làm chủ, nhưng viết rất tung hoành, say sưa. Về câu - từ cũng rất có chủ ý, tập trung khắc họa tính cách của đức vua qua võ công cái thế, không kể lể dài dòng, nhưng đã khắc họa rõ về một vị vua mạnh mẽ, quyết đoán, đầy cuốn hút. Cách viết như vậy rất sinh động, hoàn toàn phá vỡ phương thức tự sự cứng nhắc thường thấy trong loại văn bia này; "Thọ An cung Kính phi Nguyễn thị thần đạo bi" cũng là một văn bia xuất sắc viết về cuộc đời của Kính phi Nguyễn thị. Bài văn ca ngợi đức hạnh của Kính phi đối với việc thờ vua, cũng như việc bà đã dâng trọn tình thương của mình trong việc nuôi dạy hoàng tử và công chúa. Bà luôn là người ham thích đọc sách, thông hiểu lẽ trời, tỏ rõ đức hạnh. Bài văn câu tứ rất đặc sắc, tựa như lời kể từng truyện theo hồi ức, khiến người đọc cảm nhận được sự chân thật, thân thiết, ấm áp, cảm thương...

2.2. Về giá trị sử học

2.2.1. *Bia thần đạo góp phần bổ sung thêm nguồn tư liệu chính sử*

Là thể loại tự sự về các nhân vật, ngoài việc ghi chép về hành trạng, bia thần đạo còn đề cập đến công lao của các nhân vật gắn liền với lịch sử dựng nước và giữ nước. Bia "Thần đạo bi", ngoài việc ghi



Nhà bia Vĩnh Lăng - Lam Kinh (Thanh Hóa) - Ảnh: Tư liệu Cục Di sản văn hóa

chép về gia thế của Thái tử Vinh Quốc công Hoàng Đình Ái, còn ghi chép chi tiết về những sự kiện (theo dạng sử biên niên: ngày... tháng... năm...), địa danh gắn với các trận giao chiến của Hoàng Đình Ái với quân Mạc - Bắt đầu từ lúc Hoàng Đình Ái ra ứng nghĩa binh cùng Minh Khang Thái Vương (Trịnh Kiểm), trải qua hơn 22 trận chiến lớn nhỏ và các sự kiện liên quan đến việc ông đi phủ dụ dân đình, đón rước sứ thần... Có thể thấy, văn bia này như một trang "sử đá", ghi chép chi tiết về công cuộc bình định nhà Mạc, trung hưng nhà Lê. Từ nội dung văn bia này, thông qua lục khoản, chúng ta có thể khẳng định lại: tác giả soạn bia là Tiến sĩ Ngô Trí Hòa chứ không phải là Tả thị Lang Bộ Lễ Nguyễn Lễ như sách *Đại Việt sử ký toàn thư* và *Lịch triều hiến chương loại chí* đã ghi. Thông qua "Thọ An cung Kính phi Nguyễn thị thần đạo bi", chúng ta biết thêm - thời Lê sơ có hai Kính phi họ Nguyễn, đều là vợ của vua có công nuôi dưỡng hoàng tử. Một bà quê ở xã Bất Căng, huyện Lôi Dương (nay là xã Thọ Nguyên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là vợ của vua Lê Thánh Tông, sau khi mất, được đưa về đất Tam Lư, huyện Lôi Dương mai táng. Một bà là vợ vua Lê Hiến Tông, người xã Hoa Lăng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Nội dung bia là cứ liệu để

khẳng định lại - lăng mộ Kính phi Nguyễn thị tại xã Tam Lư, huyện Lôi Dương là của vợ vua Lê Thánh Tông, chứ không phải của vợ vua Lê Hiến Tông như sách địa chí ở địa phương đã ghi³.

2.2.2. Bia thần đạo góp phần làm rõ gia thế, gia thất nhân vật liên quan

Như trên đã nói, những nhân vật được ghi chép trong bia thần đạo thường là vua, hoàng hậu, cung tần, hoàng tử, công chúa, danh thần có gia thế danh gia cự phách, có địa vị lớn trong xã hội. Nhưng, do ghi chép trong sử sách thường khuyết thiếu và đôi chỗ còn chưa thống nhất. Thông qua bia thần đạo, chúng ta có thể hiểu được một cách tương đối đầy đủ về nguồn gốc gia thế, gia thất của nhân vật liên quan. Bia "Phụng Dương Công chúa thần đạo bi" cho biết, công chúa Phụng Dương là con của Thái sư (Trần Thủ Độ), mẹ là Tuệ Chân và là con gái nuôi của vua Trần Thái Tông. Bà kết duyên cùng Thượng tướng Thái sư (Trần Quang Khải), sinh ra 7 người con, cả trai lẫn gái, một số là bậc hiền danh lỗi lạc lúc đương triều. Bia "Thọ An cung Kính phi Nguyễn thị thần đạo bi" cho biết, Kính phi là người họ Nguyễn, quê ở xã Bất Căng, huyện Lôi Dương, phủ Thọ Xuân⁴. Ông nội của bà được ban tặng chức Chiêu nghị Tướng quân, Đô đốc Đồng Tri

Thân quân; bà nội họ Lê, được ban tặng là Trinh nhân; cha là Đức Nghị - chức Đô đốc Thiêm sự, Đề đốc Thân quân, Chỉ huy Sứ ti Thần vũ Tứ vệ Quân vụ sự. Kính phi mở cõi từ nhỏ, nên được nhận làm con nuôi của Thái bảo Lê Hiêu, tước Giản Cung hầu, vì thế, nhập tịch ở hương Lam Sơn, huyện Lương Giang⁵. Mẹ là người họ Nguyễn, được ban tặng là Thực nhân, là con gái thứ của quan Chuyển vận sứ tên là Nhân Mỹ, người xã Đại Trung, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Phi sinh năm Ất Sửu - niên hiệu Thái Hòa thứ 3 (1445), 15 tuổi được tuyển vào cung, được phong: Liệt Vinh rồi Tiệp dư, Tu dung, Sung dung, Kính phi⁶. Phi mất năm Hồng Đức thứ 16 (1485), thọ 41 tuổi. Kính phi là thân mẫu của Hoàng nữ thứ 3 (công chúa Thụy Hoa) và Hoàng nữ thứ 12 (Cẩm Vinh), đồng thời được vua giao cho nuôi hoàng tử thứ 8 tên là Tảo làm con của mình. Cũng thuộc về nhóm bia này còn có: "Đường vương thần đạo bi" - Nội dung bia cho biết, Đường vương, tên húy là Cảo, là con trai thứ 4 của vua Lê Thánh Tông và mẹ họ Hà, tên húy là Dĩ, tên hiệu là Tuyên Quyết - Bà cũng là cung tần của vua Lê Thánh Tông, người xã Yên Lạc, huyện Lôi Dương⁷. Đường vương lấy con gái ông Đinh Công Đột, chức Hữu Thị lang, tên là Thanh Hiến, sinh ra 1 trai, 2 gái. Năm 28 tuổi mất, sau đó được đưa về quê mẹ ở xã Yên Lạc, huyện Lôi Dương an táng... Và, còn nhiều sử liệu quý giá khác, ghi chép về chốn thâm cung, như: Công chúa Thụy Hoa tên húy là Minh Dục được gả cho 3 vị Phò mã là: Đô úy Sùng Thận, tên là Mục Khê (là con của Thái Bảo, Thanh Quận công Nguyễn Lỗi), sinh ra con trai Nguyễn Trinh, mới đầy năm thì chống mất. Sau lại được gả cho Phò mã Đô úy Hoàng Tiêu (là con của Đô đốc phủ Đô đốc thiêm sự Trịnh Trọng Phong), việc hôn lễ đã được chuẩn bị chu toàn thì đột nhiên Hoàng Tiêu qua đời, vì vậy, mới bàn đổi sang gả cho Phò mã Đô úy Đạo Dịch (con trai của Thái úy Phú Quốc công Lê Thọ Vực); hoặc Cẩm Vinh công chúa, con gái thứ 11 do bà sinh ra cũng được gả cho Phò mã Đô úy Tùng Thuyên (con trai của Lê Thọ Vực)⁸.

Phần ghi về gia thế, gia thất của nhân vật liên quan rất được chú trọng trong bia thần đạo, trong khi chính sử thường chỉ đề cập đến tên tuổi, năm sinh, năm mất, mà ít thấy nhắc đến gia thế, vợ con. Bia "Bình Ngô khai quốc công thần Thái úy Trình Quốc công thần đạo bi tịnh tựa" ghi chép từ cụ tổ 5 đời của Nguyễn Đức Trung tên húy là Biện⁹ đến các con cháu cụ, trong đó, có những người làm tướng

thời Lê Thánh Tông và sống đến thời Lê Trung hưng. Đặc biệt, bia còn ghi chép rõ các bà phu nhân là tiên tổ của Nguyễn Đức Trung, đồng thời cũng là tiên tổ Nguyễn Kim về sau. Do vậy, nội dung bia có thể bổ sung một số chi tiết còn thiếu về tổ tiên nhà Nguyễn. "Thần đạo bi" ghi chép về nhân vật Phạm Đốc, chức Thái úy, tước Tĩnh Quốc công - Qua nội dung bia, chúng ta được biết, ông từ nhỏ đã mồ côi cha mẹ, được Lạng Quốc công Trịnh Kiểm nhận làm con nuôi, sau này theo cha nuôi đánh giặc, lập được nhiều chiến công hiển hách. Bia "Thượng thư Phan Khuê Nhạc thần đạo bi minh" cho biết rõ năm sinh, năm mất của Thượng thư Phan Khuê Nhạc mà các thư tịch còn ghi thiếu thống nhất¹⁰, cũng như về gia thế, gia thất của ông - từ ông tổ 4 đời là Đô đốc phủ, Tả Đô đốc, tước Vinh Lộc hầu đến 3 người vợ và 4 người con của ông. Bia "Bảng Nhãn Lê tiên sinh thần đạo bi" ghi chép về Bảng nhãn Lê Văn Hưu (nhà sử học), lấy con gái thầy dạy học họ Nguyễn ở làng Phúc Triều, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa¹¹. Bà vợ được phong là Nhân Minh phu nhân, khi mất cũng được táng cạnh mộ ông, ở xứ Mả Dòm. Con trai ông là Chung, đỗ Thái học sinh, nhận chức Tĩnh Quán các. Cháu nội là Nhân, chức Thượng Sá sinh, nối đời đỗ đạt...

2.2.3. Bia thần đạo góp phần làm rõ hành trạng nhân vật liên quan

Đây là lĩnh vực trọng tâm mà các bia thần đạo đề cập. Có thể nói rằng, bia thần đạo là một thiên truyện ký, thông qua ngòi bút của tác giả, đã khắc họa khái quát nhất về cuộc đời của nhân vật liên quan, giúp người đọc hình dung được những công lao và phẩm cách nổi bật của họ. Bia "Phụng Dương công chúa thần đạo bi" cho biết, công chúa từ nhỏ đã được khen là hiền hậu và thông minh, giữ trọn đức tính "công dung ngôn hạnh", ấy thế mà khi Thái sư Trần Quang Khải có tỳ thiếp, đối đãi với công chúa không được đầm ấm, công chúa vẫn gắng lòng chịu đựng, mặc dù cha mẹ đã có ý khuyên giải nhưng công chúa vẫn giữ trọn khí tiết của người vợ, tìm lời đối đãi nhẹ nhàng với mọi người, lo toan chăm sóc hết mực lúc Thái sư ốm. Khi ốm nặng, Thái sư viết thư đặt vào tay công chúa nói: "Kiếp sau xin được làm chồng vợ như xưa". Đó là công chúa một lòng tin yêu đối với Thái sư vậy. Bia "Cẩm Vinh chưởng công chúa thần đạo bi" ghi: Công chúa từ nhỏ tính tình đã rất thuận hậu, biết lo việc nhà, cần kiệm quản gia, được tiên đế rất mực yêu quý... Bia thần đạo gắn với các nhân vật khác cũng là những

trang sử đá rất có giá trị. Thông qua nội dung bia, chúng ta có thể hiểu thêm về cuộc đời và sự nghiệp của nhân vật liên quan. Đó là những thông tin quý giá đối với việc nghiên cứu lịch sử, như: Bia "Khai quốc công thần Thái sư Định Quốc công thần đạo bi", ngoài việc ghi chép chi tiết về hành trạng của khai quốc công thần Đỗ Khuyển trải qua 3 triều vua, còn đề cập đến vai trò của các công thần trong việc tổ chức xây dựng chính quyền nhà nước thời Lê sơ. Bia "Bình Ngô khai quốc công thần Thái úy Trinh Quốc công thần đạo bi" cho chúng ta biết chức vị, công lao của của Nguyễn Đức Trung mà các bộ sử lớn, như *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* không hề đề cập¹²...

2.3. Về lĩnh vực văn hóa

Lĩnh vực này cũng được nhắc đến ở một số văn bia, thể hiện qua việc những nhân vật có công đức lớn được nhân dân, xã tắc ghi nhận, khi mất được triều đình cho thờ tự ở nơi tông miếu. Cũng có những người, lúc sinh thời đã có công giúp đỡ quê hương, trùng tu di tích, lúc mất được nhân dân ngưỡng vọng lập khoán ước, ghi rõ lệ thờ cúng hằng năm và được suy tôn làm phúc thần của làng. Đó là truyền thống uống nước nhớ nguồn của dân tộc. Bia "Tân tạo tiết nghĩa thần đạo bi" cho biết: Tiến sĩ Đàm Thận Huy mất, sau 100 năm mới dựng bia - Trong nội dung bia, ngoài phần ghi công lao của ông với triều Lê sơ, còn có bản khế ước của dân làng, dòng tộc về việc lập miếu, dựng bia, thể lệ cúng giỗ ông. Bia "Gia Lâm huyện, Lạc Đạo xã phụng sự Thượng thư Dương công thần đạo bi" ghi rõ công đức của Thượng thư Dương Công Thụ - đã cúng cho dân làng, ruộng tiền. Sau khi mất, dân làng đã tìm nơi đất đẹp lập đền, dựng bia, lập khoán ước giao ruộng đất, hằng năm canh tác lấy hoa lợi lo việc cúng giỗ ông. Bia "Phượng Đình chí thần đạo bi" ghi chép rất rõ, từ đời bố Nguyễn Văn Siêu đã chuyển cư ra giáp Giang Nguyên, huyện Thọ Xương và làm nhà ở đó. Nguyễn Văn Siêu là người luôn nhớ công đức tổ tiên, bèn lập bàn thờ thủy tổ ở làng này. Hằng năm, đến ngày Đông chí đều cùng người trong họ đến tế, dân trong giáp còn dựng đền thờ thần sông Tô Lịch; triều đình sắc phong cho dân làng xuân thu nhị kỳ hợp tế ông với Đô đài Tiến sĩ đời Trần là Nguyễn Trung Ngạn...

2.4. Về vấn đề giáo dục

Vấn đề giáo dục cũng là đề tài được bia thần đạo đề cập đến. Qua đó, chúng ta nhận thấy, dưới thời quân chủ, trong bất kỳ giai đoạn nào, việc học

tập cũng được nhà nước và xã hội quan tâm, thể hiện qua việc nhà nước mở trường dạy học, khuyến khích hệ thống trường tư (thường do các nhà Nho văn hay chữ tốt, không đỗ đạt hoặc đỗ đạt nhưng vì một lý do nào đó không ra làm quan hay từ quan, trở về mở trường dạy học). Bia "Phượng Đình Chí Đạo tiên sinh thần đạo bi" ghi: Bậc quân tử gặp thời vận thì làm quan, giúp vua giúp nước, khiến dân no ấm, hết làm quan thì lui về dạy học, làm sáng đạo hiếu để trung tín, giúp đời đào tạo nhân tài. Có lẽ, chính vì thế mà sau khi từ quan, Nguyễn Văn Siêu đã lui về dựng trường dạy học tại giáp Giang Nguyên. Học trò của ông có đến hơn 30 người đỗ đạt, nhiều người trở thành quan lớn trong triều, như: Hàn Lâm viện Thị độc Nguyễn Khắc Chương, Án Sát sứ Hải Dương Nguyễn Giáp, Hiệp biện Đại Học sĩ, Tổng đốc Vinh Xương Trần Lưu Tuệ, Thị giảng Học sĩ, Án sát sứ Hải Dương Trịnh Tiên Sinh...

Thông thường, các bia thần đạo, đều được soạn với những lý do khác nhau, có trường hợp vì tình bằng hữu thuở thiếu thời hoặc làm quan cùng triều, khi bạn mất đứng ra soạn văn bia; có trường hợp được soạn để khẳng định tinh thần tôn sư trọng đạo giữa học trò với thầy giáo; cũng có bia được soạn bởi sự ngưỡng vọng của hậu thế đối với tiền nhân... Những điều này đã góp phần khẳng định truyền thống đạo đức cao đẹp của người Việt từ xa xưa. Bia "Phượng Đình Chí Đạo tiên sinh thần đạo bi" cho biết: Sau khi thầy Nguyễn Văn Siêu mất được 20 năm, các học trò họp bàn với nhau muốn soạn bài văn khắc bia để làm sáng tỏ sự nghiệp học thuật và đức độ của thầy. Văn bia còn chép thêm những lời bộc bạch của Tiến sĩ Nguyễn Trọng Hợp, người làm quan cùng thời, cùng quê, cùng họ với Nguyễn Văn Siêu. Ông đã tự nhận mình là người ngu tối, không thể ghi hết công đức của Nguyễn Văn Siêu nên đã viện lý do khó có thể đảm đương được việc này, nhưng vì các học trò nhiều lần đến xin nên ông không thể từ chối. Bia "Lê Hoàng Nhận Trai tiên sinh thần đạo bi" ghi: Lê Hoàng Nhận (tức Đình Giao), là người đỗ đạt trong kỳ thi Hương, được triều đình ban chức nhưng không nhận, vì mẹ già nên lui về nhà dạy học và trở thành người thầy nổi tiếng trong triều, ngoài hạt. Sau khi ông mất, học trò có hơn 1000 người đến đưa tang và bàn lập bia ghi tạc công đức của thầy. Cũng đề tài này, bia "Trần Tiến sĩ mộ thần đạo bi" ghi: Tiến sĩ Trần Trỗi, sau khi mất, người con trai của ông và

các học trò muốn dựng bia thần đạo để thuật lại công đức. Lúc bấy giờ, Nguyễn Huy Sảng là Giáo thụ phủ Quảng Oai, vì là người bạn cùng quê, sống cùng thời, ngưỡng vọng tài đức của ông đã soạn bia dựng trên mộ...

3. Thay lời kết

Trên đây, chúng tôi mới điếm qua lược sử, cùng một số giá trị tư liệu liên quan đến bia thần đạo. Đương nhiên, sẽ còn nhiều lĩnh vực khác, như chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập và chủ quyền lãnh thổ, trấn áp cường đạo, bảo vệ trị an, mở đất đắp đê bảo vệ mùa màng, định lại tô thuế làm lợi cho dân, làm giàu cho nước... Những lĩnh vực này gắn liền với công lao, hành trạng của nhiều nhân vật, muốn tìm hiểu kỹ phải khảo riêng từng văn bia mới có thể đề cập hết. Hy vọng, thông qua bài viết, sẽ phần nào giúp người đọc và các nhà nghiên cứu hiểu rõ hơn về bia thần đạo cũng như những giá trị tư liệu mà thể loại bia này hàm chứa./.

N.V.H - L.T.H

Chú thích:

- 1- Bia được tìm thấy tháng 6/1964 ở Đòng Thôn Trang - trên Tây Giao Thạch Cảnh Sơn, nguyên được bảo tồn tại Văn vật Công tác đội - Bắc Kinh. Nay được bảo quản tại Bảo tàng Bạch Tháp Tự Thạch Khắc - Bắc Kinh. Văn bia cũng đã được giới thiệu trong *Trung Quốc bi văn hóa*, tác giả Kim Kỳ Trinh, Nxb. Trùng Khánh, 2001, tr. 86 (bản Hán ngữ hiện đại).
- 2- Nguyễn Trãi, tác giả soạn "Đại Việt Lam Sơn Vinh lăng bi", nhưng trong tác phẩm *Ức Trai di tập*, bia lại có tên "Lam Sơn Vinh Lăng thần đạo bi". Sách được dịch và in trong *Nguyễn Trãi toàn tập tân biên*, tập 2, Nxb. Văn Học - Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, 2001.
- 3- *Địa chí huyện Thọ Xuân*, Nxb. KHXH (2005) ghi: "Kính phi Nguyễn thị, vợ vua Lê Hiến Tông, có lăng ở Tam Lư, thuộc xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa".
- 4- Bất Căng xưa giáp danh với xã Tam Lư, thuộc tổng Nam Cai, nay thuộc xã Thọ Nguyên, huyện Thọ Xuân. Đất Tam Lư (nơi an táng bà) nay thuộc xã Xuân Thành, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.
- 5- Nay thuộc đất huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa. Dòng Lê Hiếm - Lê Hiều sau này được ban lộc điền, di cư xuống xã Tân Phúc, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, tạo thành một chi tộc lớn trên vùng đất này.
- 6- Tiệp dư: đứng bậc đầu trong 6 bậc nữ quan (thấp hơn cửu tần và tam phi). Tu dung: là bậc thứ 5 trong 9 bậc tần. Sung dung: là bậc thứ 2 trong 9 bậc tần (dưới phi), Kính phi một trong tam phi (vợ vua).
- 7- Nay là Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.
- 8- Như vậy, Kính phi họ Nguyễn có hai người con gái đều gả cho con trai của Phú Quốc công Lê Thọ Vực.
- 9- Căn cứ theo "Phả dòng họ Nguyễn", Phó Quốc công Nguyễn Như Trác là em ruột cụ Nguyễn Đức Trung, là ông nội cụ Nguyễn Kim, do đó, dòng họ Nguyễn ở Gia Miêu có từ thời cụ Nguyễn Biện.

10- *Lược truyện các tác gia Việt Nam*, tập I, Nxb. KHXH, H, tái bản 1971, chỉ ghi năm mất của ông là 1842. Sách *Phan Huy Chú và dòng họ Phan Huy*, Sở Văn hóa Thông tin Hà Sơn Bình xuất bản, ghi: ông sinh năm 1779, mất năm 1846. Trong bia ghi, ông sinh tháng Mười năm Mậu Tuất (1778), mất ngày 20 tháng Hai năm Bình Thìn niên hiệu Thiệu Trị 4 (1884), thọ 62 tuổi.

11- Nay là xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, cách quê hương Lê Văn Hữu khoảng 2km.

12- Đọc qua nội dung văn bia, chúng tôi nhận thấy, Nguyễn Đức Trung đã theo Thái Tổ Cao Hoàng đế Lê Lợi từ những năm khởi nghĩa Lam Sơn. Nhưng trong *Đại Việt sử ký toàn thư, Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (sdd), tên ông chỉ được đề cập từ sau năm Quang Thuận thứ 1 (1460), vì có công cùng với các đại thần, như Đinh Liệt, Nguyễn Xí phế Nghi Dân, đưa vua Thánh Tông lên ngôi, lúc này ông đã giữ chức Điện tiền Đô Chỉ huy.

Tài liệu Tham Khảo:

- 1- Việt Khoa học xã hội Việt Nam (1993), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. KHXH, H.
 - 2- Phan Huy Chú (1960), *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb. Sử học.
 - 3- Lưu Công đạo (1816), *Vinh Lộc huyện chí*, kí hiệu VHv.1371/AB (bản chữ Hán). *Vinh Lộc phong thổ chí*, kí hiệu A.2537 (bản chữ Hán). *Thanh Hóa tỉnh Vinh Lộc huyện chí*, kí hiệu VHv.137/AB (bản chữ Hán).
 - 4- Trịnh Khắc Mạnh (2013), *Bi ký học và văn bản bi ký Hán Nôm Việt Nam*, Nxb. KHXH.
 - 5- Trịnh Khắc Mạnh (2008), *Một số vấn đề về văn bia Việt Nam*, Nxb. KHXH.
 - 6- *Thanh Hóa tỉnh Vinh Lộc huyện chí*, Biên dịch: Nguyễn Văn Hải, Nxb. Thanh Hoá, 2010, tái bản lần 1 năm 2012.
 - 7- Nguyễn Quang Hồng chủ biên (2006), *Tuyển tập văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, Nxb. KHXH, H, 1992.
 - 8- Nguyễn Văn Hải - Lê Toan (2014), *Tuyển tập văn bia Thanh Hóa - Văn bia triều Lê sơ*, tập 2, Nxb. Thanh Hóa.
 - 9- Ban Nghiên cứu và Biên soạn Lịch sử Thanh Hóa (2006), *Danh nhân Thanh Hóa*, Nxb. Thanh Hóa.
 - 10- Ban Nghiên cứu và Biên soạn Lịch sử Thanh Hóa (2001), *Tên làng xã Thanh Hóa*, tập 1, tập 2, Nxb. Thanh Hóa.
 - 11- *Thơ văn Lý Trần*, Nxb. KHXH, 1977, tập II.
 - 12- Trần Văn Thịnh (1995), *Danh sĩ Thanh Hóa và việc học thời xưa*, Nxb. Thanh Hóa.
 - 13- *Lược truyện các tác gia Việt Nam*, tập I, Nxb. KHXH, H, tái bản năm 1971.
 - 14- *Phan Huy Chú và dòng họ Phan Huy*, Sở Văn hóa Thông tin Hà Sơn Bình, 1938.
 - 15- Trần Thị Kim Anh - Hoàng Hồng Cẩm, *Các thể văn chữ Hán Việt Nam*, Nxb. KHXH, 2010.
 - 16- Kim Kỳ Trinh (2001), *Trung Quốc bi văn hóa*, Trùng Khánh Xuất bản xã (bản tiếng Hán hiện đại).
 - 17- Phong Diễm, *Phong thủy văn kiến kí (Bi kiệt)*, Vũ Đường tàng bản (chữ Hán cổ).
 - 18- "So sánh nghiên cứu bi chí Hán Dũ và Âu Dương Tu", *Luận văn Thạc sĩ của Đỗ Lê Bình, Đại học Sư phạm Đồng Bắc (Trung Quốc)*, 2005 (bản tiếng Hán hiện đại).
- (Ngày nhận bài: 08/10/2016; ngày phản biện đánh giá: 21/10/2016; ngày duyệt đăng bài: 05/11/2016).